



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 1 tháng 3 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Trí
Ông Phạm Văn Tân
Bà Trần Tường Anh
Ông Nguyễn Ngọc Bình
Ông Lê Quốc Ân

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huệ
Ông Nguyễn Thanh Sơn
Ông Nguyễn Ngọc Cách

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban điều hành

Ông Nguyễn Đức Trí
Ông Nguyễn Văn Hải
Bà Hoàng Thùy Oanh
Bà Trần Tường Anh
Ông Nguyễn Ngọc Bình
Ông Phạm Ngọc Trung
Bà Trần Thị Hòa Châu
Ông Phan Văn Phước
Ông Phan Quang Long
Ông Nguyễn Văn Cường

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban điều hành



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Đã Nẵng, ngày 14 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Đặc cách kiểm toán số: 18-02-00205-19-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.121.767.785.537	1.073.492.771.019
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	25.052.150.214	30.217.978.641
Tiền	111		25.052.150.214	28.967.978.641
Các khoản tương đương tiền	112		-	1.250.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.090.680.083	14.191.267.129
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	14.090.680.083	14.191.267.129
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		256.473.383.757	295.519.795.779
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	233.941.015.640	251.218.343.649
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.067.445.830	32.720.608.942
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		652.400.000	806.400.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	7.733.979.408	11.881.454.565
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(5.921.457.121)	(1.107.011.377)
Hàng tồn kho	140	11	795.741.014.655	665.119.719.713
Hàng tồn kho	141		795.741.014.655	665.316.767.423
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(197.047.710)
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.410.556.828	68.444.009.757
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	7.205.647.446	9.482.149.123
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.177.871.945	58.904.058.355
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18(a)	27.037.437	57.802.279

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		872.315.526.201	888.211.926.794
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.596.552.619	3.269.768.621
Phải thu về cho vay dài hạn	215		514.300.000	1.166.700.000
Phải thu dài hạn khác	216		1.082.252.619	2.103.068.621
Tài sản cố định	220		828.729.645.415	825.853.348.196
Tài sản cố định hữu hình	221	12	826.077.632.203	821.906.832.670
Nguyên giá	222		1.595.038.829.026	1.553.576.955.416
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(768.961.196.823)	(731.670.122.746)
Tài sản cố định vô hình	227	13	2.652.013.212	3.946.515.526
Nguyên giá	228		10.322.812.069	10.558.944.973
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.670.798.857)	(6.612.429.447)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.173.000.428	23.755.315.260
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.173.000.428	23.755.315.260
Đầu tư tài chính dài hạn	250		13.592.194.134	6.334.466.502
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(b)	11.330.594.242	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(b)	(6.399.102.108)	(6.326.235.498)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(a)	905.000.000	4.905.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		27.224.133.605	28.999.028.215
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	26.873.916.864	28.508.724.779
Lợi thế thương mại	269	16	350.216.741	490.303.436
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.994.083.311.738	1.961.704.697.813

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.549.453.855.609	1.524.072.518.095
Nợ ngắn hạn	310		1.108.309.957.111	1.027.372.367.986
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	242.117.376.966	205.015.315.444
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.738.606.197	9.332.879.255
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18(b)	9.544.568.006	9.487.977.018
Phải trả người lao động	314		254.157.284.180	129.821.695.445
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	4.419.159.238	9.556.380.587
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	15.991.653.672	20.218.548.615
Vay ngắn hạn	320	21(a)	516.475.636.275	598.086.353.606
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	53.865.672.577	45.853.218.016
Nợ dài hạn	330		441.143.898.498	496.700.150.109
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		15.294.587.874	19.029.246.445
Vay dài hạn	338	21(b)	425.849.310.624	477.670.903.664
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		444.629.456.129	437.632.179.718
Vốn chủ sở hữu	410	23	444.629.456.129	437.632.179.718
Vốn cổ phần	411	24	225.000.000.000	225.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	98.179.356.087	84.867.338.095
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95.578.326.576	84.489.432.518
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	421a		-	4.618.312.273
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		95.578.326.576	79.871.120.245
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		25.871.773.466	43.275.409.105
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.994.083.311.738	1.961.704.697.813

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Chuyên viên

Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	4.346.084.997.714	3.877.103.880.004
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.190.047.933	1.617.545.390
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4.344.894.949.781	3.875.486.334.614
Giá vốn hàng bán	11		3.963.259.145.469	3.530.237.829.238
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		381.635.804.312	345.248.505.376
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	22.617.231.195	38.310.969.573
Chi phí tài chính	22	30	67.764.901.361	43.877.630.138
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		40.558.013.855	38.366.864.673
Chi phí bán hàng	25	31	87.548.734.182	116.931.415.496
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	141.304.543.330	136.131.439.063
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		107.634.856.634	86.618.990.252
Thu nhập khác	31		4.956.404.140	2.953.512.059
Chi phí khác	32		4.079.710.371	3.527.181.156
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		876.693.769	(573.669.097)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		108.511.550.403	86.045.321.155
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	7.909.520.476	6.626.649.491
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)	60		100.602.029.927	79.418.671.664

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (trăng trước mang sang)	60		100.602.029.927	79.418.671.664
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		96.245.740.205	79.871.120.245
Cổ đông không kiểm soát	62		4.356.289.722	(452.448.581)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	4.278	3.714

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		108.511.550.403	86.045.321.155
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		153.195.666.276	139.328.361.226
Các khoản dự phòng	03		5.671.955.022	50.570.236
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		10.201.846.851	(770.962.216)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.137.203.168)	(19.242.809.374)
Chi phí lãi vay	06		40.558.013.855	38.366.864.673
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		311.001.829.239	243.777.345.700
Biến động các khoản phải thu	09		56.354.897.023	60.327.930.039
Biến động hàng tồn kho	10		(139.153.791.525)	(106.970.734.580)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		184.064.103.656	15.844.561.175
Biến động chi phí trả trước	12		1.916.686.589	(4.027.636.122)
			414.183.724.982	208.951.466.212
Tiền lãi vay đã trả	14		(41.027.029.054)	(34.433.912.487)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.284.731.745)	(5.909.792.926)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		115.827.451	418.419.115
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(18.711.514.918)	(3.732.734.699)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		347.276.276.716	165.293.445.215
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(167.548.030.686)	(189.768.941.880)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		5.888.518.289	730.241.109
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(264.484.483)	(5.330.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		5.171.471.529	31.870.500.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác – thuần	26		-	14.960.915.198
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.154.080.550	2.919.050.066
Tiền giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	5		(19.851.077.489)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(174.449.522.290)	(144.618.235.507)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.


Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2018	2017
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	59.625.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		3.219.776.727.880	3.090.325.136.682
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.350.262.468.933)	(3.130.066.414.700)
Tiền trả cổ tức	36		(47.664.236.000)	(42.596.110.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(178.149.977.053)	(22.712.388.168)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(5.323.222.627)	(2.037.178.460)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		30.217.978.641	32.184.925.593
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		157.394.200	70.231.508
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	25.052.150.214	30.217.978.641

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT		Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty		Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty	
		31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Công ty con				
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	76,88%	76,88%	76,88%	76,88%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam (i)	-	32,14%	-	54,20%
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	54,18%	54,18%	54,18%	54,18%
4	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	81,73%	81,73%	81,73%	81,73%
5	Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	51,00%	54,21%	51,00%	61,00%
6	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	100%	100%	100%	100%
	Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam (i)	32,14%	-	32,14%	-
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	20,00%	27,23%	20,00%	42,50%

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Theo giấy ủy quyền ngày 1 tháng 8 năm 2014, hai cổ đông cá nhân nắm giữ 22% tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tương ứng của Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam đã ủy quyền cho Tổng Công ty là người đại diện theo ủy quyền, nhân danh và thay mặt hai cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông trong Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam, qua đó nâng tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty trong Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam lên 54,14%. Do đó, tại thời điểm ngày 1 tháng 1 năm 2018 Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam được xác định là chịu quyền kiểm soát của Tổng Công ty và là công ty con của Tổng Công ty.

Theo thỏa thuận giữa các bên, văn bản ủy quyền đã hết hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do vậy, Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam không còn chịu quyền kiểm soát của Tổng Công ty và trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty và các công ty con có 9.806 nhân viên (1/1/2018: 10.965 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành của Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng, do vậy yêu cầu trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận**

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Việt Nam
- Vương quốc Anh
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Các vùng khác

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018								
Tổng doanh thu của bộ phận	1.352.058.103	817.318.830	421.983.860	354.821.390	310.609.248	47.188.322	1.042.105.245	4.346.084.998
Kết quả kinh doanh của bộ phận	86.786.214	103.329.628	41.676.592	32.002.333	26.538.159	3.638.234	87.664.644	381.635.804
								22.617.231
Thu nhập không phân bổ								22.617.231
Chi phí không phân bổ								296.618.179
								107.634.856
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								107.634.856
								4.956.404
Thu nhập khác								4.956.404
Chi phí khác								4.079.710
Thuế thu nhập doanh nghiệp								7.909.520
								100.602.030
Lợi nhuận thuần sau thuế								100.602.030

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018								
Tài sản của bộ phận	70.407.946	17.507.374	3.175.835	34.599.626	49.605.570	-	58.644.665	233.941.016
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ								1.760.142.296
Tổng tài sản								1.994.083.312
Nợ phải trả của bộ phận	15.642.775	400.674	-	-	874.131	-	10.115.614	27.033.194
Các khoản nợ không phân bổ								1.522.420.662
Tổng nợ phải trả								1.549.453.856

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiêu vốn	167.548.031
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	151.669.604
Khấu hao tài sản cố định vô hình	1.298.365
Tổng	319.515.999

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017								
Tổng doanh thu của bộ phận	1.214.802.201	665.869.566	391.058.020	314.667.102	336.461.998	108.185.675	846.059.318	3.877.103.880
Kết quả kinh doanh của bộ phận	47.541.085	95.165.463	37.438.628	22.393.803	74.995.751	6.419.051	61.294.724	345.248.505
Thu nhập không phân bổ								38.310.970
Chi phí không phân bổ								296.940.485
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								86.618.990
Thu nhập khác								2.953.512
Chi phí khác								3.527.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp								6.626.649
Lợi nhuận thuần sau thuế								79.418.672

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018								
Tài sản của bộ phận	116.989.035	22.805.587	2.466.376	6.838.865	69.127.639	-	32.990.842	251.218.344
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ								1.710.486.354
Tổng tài sản								1.961.704.698
Nợ phải trả của bộ phận	19.594.382	2.734.877	187.073	-	2.643.483	-	3.202.311	28.362.126
Các khoản nợ không phân bổ								1.495.710.392
Tổng nợ phải trả								1.524.072.518
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017								
Chi tiêu vốn								189.768.942
Khấu hao tài sản cố định hữu hình								137.654.378
Khấu hao tài sản cố định vô hình								1.233.699

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Hợp nhất kinh doanh

Như đã trình bày tại thuyết minh 1(d)(i), tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã mất quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam.

Giao dịch này ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm mất quyền kiểm soát VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.851.077.489
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	12.417.886.494
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.835.000
Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác	225.048.773
Hàng tồn kho	8.729.544.293
Tài sản ngắn hạn và dài hạn khác	1.907.012.551
Tài sản cố định hữu hình	32.673.848.391
Tài sản cố định vô hình	95.966.122
Các khoản đầu tư dài hạn	4.682.979.826
Nợ ngắn hạn	(37.860.541.387)
Nợ dài hạn	(7.471.786.232)
	<hr/>
Tài sản thuần có thể xác định được	35.253.871.320
	<hr/>
Phần tài sản thuần thuộc Tổng Công ty tại thời điểm mất quyền kiểm soát	11.330.594.242
	<hr/>
Giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên kết giữ lại sau khi mất quyền kiểm soát	(11.330.594.242)
	<hr/>
Ảnh hưởng của việc mất quyền kiểm soát	-
	<hr/>
Khoản tiền giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	19.851.077.489
	<hr/> <hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	180.477.624	124.204.263
Tiền gửi ngân hàng	24.871.672.590	28.843.774.378
Các khoản tương đương tiền	-	1.250.000.000
	<hr/>	<hr/>
	25.052.150.214	30.217.978.641

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	14.090.680.083	14.090.680.083	14.191.267.129	14.191.267.129
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	905.000.000	(*)	4.905.000.000	(*)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6,4% đến 7,3% (2017: từ 6% đến 7,2%) một năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất từ 6% đến 6,2% (2017: từ 6,2% đến 6,6%) một năm.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018				1/1/2018							
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Đầu tư góp vốn vào:												
<i>Công ty liên kết</i>												
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	11.330.594.242	-	-	-	-	-	-	
<i>Đơn vị khác</i>												
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(99.102.108)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(26.235.498)	
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	
					7.755.702.000	(6.399.102.108)				7.755.702.000	(6.326.235.498)	
					19.086.296.242	(6.399.102.108)				7.755.702.000	(6.326.235.498)	

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Motives (Far East) Limited	49.937.802.854	116.161.660.223
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	34.599.626.692	24.342.929.844
Supreme International Inc.	24.812.541.214	13.391.542.904
Risa Tel Sociedade Comercial De Fios	13.858.967.397	12.263.959.018
Các khách hàng khác	110.732.077.483	85.058.251.660
	233.941.015.640	251.218.343.649

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 434.538 triệu VND (1/1/2018: 238.000 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 21(a)).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	146.031.576	83.482.800
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc Tế	-	536.320.978
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	-	11.702.020
	146.031.576	631.505.798

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên	3.136.927.777	194.428.000
Tạm ứng	770.470.550	1.370.206.254
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.300.319.238	6.395.853.520
Phải thu khác	2.526.261.843	3.920.966.791
	<hr/>	<hr/>
	7.733.979.408	11.881.454.565
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2018			Thời gian quá hạn	1/1/2018		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Từ 1 - 3 năm	5.709.989.346	(5.447.115.753)	262.873.593	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-	Trên 3 năm	464.924.753	(464.924.753)	-
Công ty TNHH Thanh Thu	-	-	-	-	Trên 3 năm	428.360.000	(428.360.000)	-
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	-	-	-	-	Trên 3 năm	96.888.118	(96.888.118)	-
Khác	Trên 3 năm	68.216.615	(68.216.615)	-	Trên 3 năm	116.838.506	(116.838.506)	-
		<u>6.184.330.714</u>	<u>(5.921.457.121)</u>	<u>262.873.593</u>		<u>1.107.011.377</u>	<u>(1.107.011.377)</u>	<u>-</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	<u>(5.921.457.121)</u>	<u>(1.107.011.377)</u>
--------------------------------------	------------------------	------------------------

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	95.158.139.000	-	63.150.243.596	-
Nguyên vật liệu	239.783.772.107	-	202.085.940.986	-
Công cụ và dụng cụ	170.741.452	-	157.397.654	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	234.691.886.761	-	215.425.635.027	-
Thành phẩm	105.736.030.252	-	91.289.309.379	(197.047.710)
Hàng hóa	1.181.983.657	-	1.290.714.613	-
Hàng gửi đi bán	119.018.461.426	-	91.917.526.168	-
	795.741.014.655	-	665.316.767.423	(197.047.710)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 256.760 triệu VND (1/1/2018: 240.470 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 21(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	370.475.627.727	1.057.740.804.238	41.813.153.189	7.641.434.215	75.905.936.047	1.553.576.955.416
Tăng trong năm	1.197.238.875	24.792.298.259	1.124.877.146	936.039.234	2.942.253.355	30.992.706.869
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.337.617.288	133.448.233.028	15.399.772.348	-	3.451.317.999	158.636.940.663
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(33.274.484.180)	(46.189.392.070)	(1.519.525.455)	(828.680.698)	(2.733.842.111)	(84.545.924.514)
Thanh lý	(36.550.000)	(61.693.862.356)	(787.587.074)	(191.916.413)	(911.933.565)	(63.621.849.408)
Số dư cuối năm	344.699.449.710	1.108.098.081.099	56.030.690.154	7.556.876.338	78.653.731.725	1.595.038.829.026
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	110.874.272.040	542.835.458.445	27.650.059.763	5.043.940.703	45.266.391.795	731.670.122.746
Khấu hao trong năm	22.681.010.284	113.113.613.905	4.665.001.490	1.146.123.425	10.063.854.833	151.669.603.937
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(14.557.946.177)	(34.874.654.814)	(1.526.021.534)	(674.314.322)	(1.981.887.800)	(53.614.824.647)
Thanh lý	(36.550.000)	(58.905.761.934)	(786.796.817)	(180.457.959)	(854.138.503)	(60.763.705.213)
Số dư cuối năm	118.960.786.147	562.168.655.602	30.002.242.902	5.335.291.847	52.494.220.325	768.961.196.823
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	259.601.355.687	514.905.345.793	14.163.093.426	2.597.493.512	30.639.544.252	821.906.832.670
Số dư cuối năm	225.738.663.563	545.929.425.497	26.028.447.252	2.221.584.491	26.159.511.400	826.077.632.203

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản cố nguyên giá 218.129 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 210.928 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 588.708 triệu VND (1/1/2018: 643.186 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho một số khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 21(a)) và dài hạn (Thuyết minh 21(b)) của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	10.558.944.973
Tăng trong năm	99.829.000
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(335.961.904)
	<hr/>
Số dư cuối năm	10.322.812.069
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.612.429.447
Khấu hao trong năm	1.298.365.192
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(239.995.782)
	<hr/>
Số dư cuối năm	7.670.798.857
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	3.946.515.526
Số dư cuối năm	2.652.013.212
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.908 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 3.840 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	23.755.315.260	33.472.034.902
Tăng trong năm	136.054.625.831	162.944.803.507
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(158.636.940.663)	(171.337.842.662)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.323.680.487)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.173.000.428	23.755.315.260
	<hr/>	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy may Điện Bàn	479.608.685	-
Mở rộng Nhà máy Duy Xuyên	472.568.604	409.518.604
Đầu tư thiết bị Nhà máy Sợi 1	-	22.487.064.840
Mở rộng Nhà máy May Đông Hà	-	509.959.091
Khác	220.823.139	348.772.725
	<hr/>	<hr/>
	1.173.000.428	23.755.315.260
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trả trước phí bảo hiểm	1.098.354.544	990.267.721
Công cụ và dụng cụ	2.769.774.885	3.944.405.926
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	526.206.093	1.381.649.168
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.811.311.924	3.165.826.308
	7.205.647.446	9.482.149.123

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	4.278.310.632	17.115.271.274	7.115.142.873	28.508.724.779
Tăng trong năm	-	11.900.368.914	6.004.571.342	17.904.940.256
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	(814.329.604)	(999.405.626)	(1.813.735.230)
Thanh lý	-	(30.622.147)	-	(30.622.147)
Phân bổ trong năm	(87.610.452)	(12.785.437.507)	(4.822.342.835)	(17.695.390.794)
	4.190.700.180	15.385.250.930	7.297.965.754	26.873.916.864

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.400.866.953
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	910.563.517
Phân bổ trong năm	140.086.695
Số dư cuối năm	1.050.650.212
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	490.303.436
Số dư cuối năm	350.216.741

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	17.843.537.499	9.230.356.984
Kufner Hongkong Limited	16.126.370.100	5.730.921.028
CDI - Cotton Distributors Inc	10.343.303.873	-
Louis Dreyfus Commodities LLC	10.317.681.150	-
Hultafors Group AB	10.195.414.891	21.335.354.164
Paul Reinhart AG	9.339.032.629	-
RCMA Asia Pte. Ltd.	9.318.983.621	-
Manhattan Outdoor Wear Factory Limited	8.675.972.079	7.863.820.177
Motives (Far East) Limited	7.203.665.452	3.048.790.041
Fujian Jung Wei New Fiber Science and Technology Co., Ltd.	7.144.380.502	8.159.829.710
Các nhà cung cấp khác	135.609.035.170	149.646.243.340
	242.117.376.966	205.015.315.444

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	17.843.537.499	9.230.356.984
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	2.729.997.807	3.600.264.153
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	2.775.628.481	3.408.082.371
	23.349.163.787	16.238.703.508

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại/bù trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế nhập khẩu	27.500.761	-	(27.500.761)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.843.386	-	-	14.843.386
Thuế thu nhập cá nhân	14.547.505	-	(2.353.454)	12.194.051
Các loại thuế khác	910.627	-	(910.627)	-
	57.802.279	-	(30.764.842)	27.037.437

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.333.960.900	(433.563.099)	123.600.960.670	(122.317.928.786)	7.183.429.685
Thuế nhập khẩu	-	-	898.682.736	(898.682.736)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.108.574.618	(1.497.825.204)	7.909.520.476	(7.284.731.745)	2.235.538.145
Thuế thu nhập cá nhân	45.441.500	-	2.709.756.352	(2.629.597.676)	125.600.176
Tiền thuê đất	-	-	4.801.401.592	(4.801.401.592)	-
Các loại thuế khác	-	-	670.173.895	(670.173.895)	-
	9.487.977.018	(1.931.388.303)	140.590.495.721	(138.602.516.430)	9.544.568.006

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí hoạt động	2.265.715.098	7.717.394.471
Chi phí lãi vay	727.764.816	1.196.780.015
Các khoản trích trước khác	1.425.679.324	642.206.101
	<hr/> 4.419.159.238	<hr/> 9.556.380.587

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Kinh phí công đoàn	10.061.159.431	11.272.798.938
Bảo hiểm xã hội, y tế	730.974.538	610.228.077
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	179.007.118	695.536.532
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	80.577.042	352.342.523
Cổ tức phải trả	705.864.547	655.700.547
Quỹ ái hữu, tương trợ	768.985.878	783.985.878
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.465.085.118	5.847.956.120
	<hr/> 15.991.653.672	<hr/> 20.218.548.615

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018		Biến động trong năm			31/12/2018
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	538.992.590.702	-	3.208.242.634.560	(3.289.066.366.777)	(1.165.640.373)	457.003.218.112
Vay dài hạn đến hạn trả	59.093.762.904	(4.650.940.698)	64.906.047.452	(60.149.095.104)	272.643.609	59.472.418.163
	598.086.353.606	(4.650.940.698)	3.273.148.682.012	(3.349.215.461.881)	(892.996.764)	516.475.636.275

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	2,9% - 3%	200.255.975.245	76.041.333.812
Vay ngân hàng 2 (ii)	USD	2,9%	79.758.862.641	156.641.387.962
Vay ngân hàng 3 (ii)	USD	2,5% - 2,65%	65.398.475.187	-
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	2,7% - 3,4%	56.851.029.859	130.115.305.065
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	3,6 - 4%	52.517.987.461	32.222.687.560
Vay ngân hàng 6 (i)	VND	7,5%	2.020.887.719	5.518.267.055
Vay ngân hàng 7 (ii)	USD	1,9%	-	72.342.581.182
Vay ngân hàng 8 (i)	USD	2,5%	-	25.674.654.486
Vay ngân hàng 9 (i)	USD	1,9%	-	40.286.373.580
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	10%	200.000.000	150.000.000
			457.003.218.112	538.992.590.702

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 8), hàng tồn kho (Thuyết minh 11) và tài sản cố định của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 12).
- (ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Vay dài hạn	485.321.728.787	536.764.666.568
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(59.472.418.163)	(59.093.762.904)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	425.849.310.624	477.670.903.664
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018	1/1/2018
				VND	VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	4,5%	2021	36.399.741.052	49.863.684.153
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,25% - 3,75%	2021	7.652.515.295	12.480.091.390
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	5%	2021	3.160.429.537	4.330.051.485
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5%	2021	3.659.905.705	4.924.145.488
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	5,2 - 5,7%	2022	23.635.337.003	14.963.618.830
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	13.949.400.000	18.199.200.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2039	217.673.600.849	212.992.246.794
Vay ngân hàng 6 (i)	VND	10,7%	2018	-	252.205.098
Vay ngân hàng 7 (i)	VND	10,1%	2020	1.400.000.000	2.200.000.000
Vay ngân hàng 8 (i)	VND	7,5% - 8,5%	2025	-	16.863.812.323
Vay ngân hàng 9 (i)	USD	6,3%	2025	175.940.799.346	178.395.970.603
Vay ngân hàng 10 (i)	VND	8,6%	2018	-	338.487.800
Vay ngân hàng 11 (i)	VND	9,2%	2019	-	207.625.000
Vay ngân hàng 12 (i)	VND	9,2%	2021	-	17.441.027.604
Vay ngân hàng 13 (i)	VND	8,26%	2018	-	82.500.000
Vay ngân hàng 14 (i)	VND	8,26%	2020	-	780.000.000
Vay ngân hàng 15 (i)	VND	10,5%	2021	1.850.000.000	2.450.000.000
				<hr/>	<hr/>
				485.321.728.787	536.764.666.568
				<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 12).
- (ii) Khoản vay này từ bên thứ ba và không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	45.853.218.016	33.276.553.175
Trích lập trong năm	27.167.076.438	15.890.980.425
Tăng khác	115.827.451	418.419.115
Sử dụng trong năm	(19.027.097.637)	(3.732.734.699)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(243.351.691)	-
Số dư cuối năm	53.865.672.577	45.853.218.016

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	165.375.000.000	74.160.475.589	72.414.835.222	43.305.696.156	355.256.006.967
Phát hành cổ phiếu	59.625.000.000	-	-	-	59.625.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	79.871.120.245	(452.448.581)	79.418.671.664
Phân bổ vào các quỹ	-	10.706.862.506	(10.706.862.506)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(41.343.750.000)	(1.357.200.000)	(42.700.950.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(15.745.910.443)	(145.069.982)	(15.890.980.425)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	-	-	1.924.431.512	1.924.431.512
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	225.000.000.000	84.867.338.095	84.489.432.518	43.275.409.105	437.632.179.718
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	96.245.740.205	4.356.289.722	100.602.029.927
Phân bổ vào các quỹ	-	13.312.017.992	(13.312.017.992)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(45.000.000.000)	(2.714.400.000)	(47.714.400.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(27.010.998.438)	(156.078.000)	(27.167.076.438)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	-	-	(18.723.277.078)	(18.723.277.078)
Biến động do giảm tỷ lệ sở hữu tại một công ty con	-	-	166.170.283	(166.170.283)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	225.000.000.000	98.179.356.087	95.578.326.576	25.871.773.466	444.629.456.129

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.500.000	225.000.000.000	16.537.500	165.375.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	16.537.500	165.375.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	16.537.500	165.375.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	31/12/2018 và 1/1/2018		
	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	22.500.000	225.000.000.000	100%

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh.

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 45.000 triệu VND cho năm 2017, tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (2017: 41.344 triệu VND cho năm 2016, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.165.528.855	4.079.553.032
Trong vòng hai đến năm năm	38.690.182.762	38.096.801.090
Sau năm năm	66.543.021.899	73.752.309.520
	110.398.733.516	115.928.663.642

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	682.112	15.787.254.561	946.620	21.451.747.696
EUR	244	6.455.657	256	6.929.126
		15.793.710.218		21.458.676.822

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	50.205.000.000	43.800.000.000
	50.205.000.000	43.800.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	2.154.080.550	3.188.284.330
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	15.227.531.298
Cổ tức được chia	210.000.000	210.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.185.860.612	18.536.931.174
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	770.962.216
Doanh thu hoạt động tài chính khác	67.290.033	377.260.555
	22.617.231.195	38.310.969.573

30. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	40.558.013.855	38.366.864.673
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.415.153.871	5.480.656.956
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.201.846.851	-
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	589.886.784	26.235.498
Chi phí tài chính khác	-	3.873.011
	67.764.901.361	43.877.630.138

31. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	6.951.609.286	7.943.480.922
Chi phí vật liệu, bao bì	934.289.673	1.095.490.660
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.292.857.594	5.444.704.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.181.164.764	87.081.376.770
Chi phí khác	16.188.812.865	15.366.362.637
	87.548.734.182	116.931.415.496

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	74.117.364.692	75.791.738.476
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.530.260.947	2.619.814.611
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.424.361.159	7.500.200.862
Thuế, phí và lệ phí	4.021.721.402	4.269.759.890
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.299.585.214	21.587.477.337
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	5.279.115.948	(164.104.208)
Chi phí khác	25.632.133.968	24.526.552.095
	<hr/>	<hr/>
	141.304.543.330	136.131.439.063
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.265.453.099.437	2.063.297.998.063
Chi phí nhân viên	1.207.962.075.935	1.007.088.042.229
Chi phí khấu hao và phân bổ	153.195.666.276	139.328.361.226
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	629.879.897.062	643.172.423.931
	<hr/>	<hr/>

34. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	7.896.720.656	6.462.277.811
Dự phòng thiếu trong những năm trước	12.799.820	164.371.680
	<hr/>	<hr/>
	7.909.520.476	6.626.649.491
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	108.511.550.403	86.045.321.155
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	10.851.155.040	8.604.532.115
Ưu đãi thuế	(5.375.177.238)	(4.511.202.164)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	832.893.842	(280.359.176)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	508.318.108	525.764.584
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.288.366.986	425.507.773
Giảm thuế (*)	(273.153.500)	(321.346.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận thuế hoãn lại	443.698.956	381.403.483
Lỗi tính thuế được sử dụng	(532.990.240)	(203.901.198)
Lỗi tính thuế năm hiện hành tại các công ty con	153.608.702	1.841.878.394
Dự phòng thiếu trong những năm trước	12.799.820	164.371.680
	7.909.520.476	6.626.649.491

(*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng 150 lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Đối với Tổng Công ty

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% (2017: 20%).

(ii) Đối với các công ty con

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% (2017: 20%).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	96.245.740.205	79.871.120.245
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	96.245.740.205	79.871.120.245
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	22.500.000	21.506.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.278	3.714

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2018 VND	2017 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Cổ tức công bố và đã trả	29.231.242.000	26.856.205.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.617.684.785	1.567.289.268
Mua hàng hóa và dịch vụ	36.463.620.291	15.389.867.197
Lãi vay nhập gốc vay	-	6.138.075.736
Chi phí lãi vay	7.832.063.710	-
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.021.867.971	839.213.529
Mua hàng hóa và dịch vụ	67.717.024.444	22.380.041
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán hàng hóa và dịch vụ	9.704.004	839.213.529
Mua hàng hóa và dịch vụ	14.170.000	22.380.041

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	2018	2017
	VND	VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Mua hàng hóa và dịch vụ	23.527.670.641	28.498.264.204
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	169.578.922
Mua hàng hóa và dịch vụ	40.244.000	1.174.424.000
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.099.141.465	1.041.082.868
Thành viên khác trong Ban điều hành		
Tiền lương và thưởng	7.351.795.648	7.431.409.755
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	1.555.472.353	2.127.499.465

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

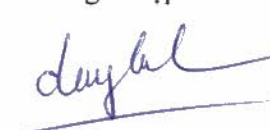
	2018	2017
	VND	VND
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	210.000.000	-
Lãi vay nhập gốc vay	-	6.138.075.736
Lãi tiền gửi nhập gốc tiền gửi có kỳ hạn	-	269.234.264

38. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng





Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc